TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 282/2026/DS-ST
Ngày: 03-6-2026
V/v "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và thực hiện N vụ tài sản do người chết để lại"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Linh Phi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Lài

Bà Nguyễn Thị Kim Linh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Thanh Tuyền, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Tây Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Tây Ninh tham gia phiên toà*: Bà Huỳnh Thị Kim Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 614/2026/TLST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2026 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thực hiện N vụ tài sản do người chết để lại" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 288/2026/QĐST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 244/2026/QĐST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lâm Trọng N, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số 37, hẻm 21 đường BL, khu phố NT, phường BM, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn:

+ Chị Trần Thị D, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 61 đường 20 NVL, khu phố LT, phường Long Hoa, tỉnh Tây Ninh.

+ Bà Đỗ Thị Ng, sinh năm 1948; địa chỉ: Số 92, tổ 11, khu phố TH, phường TĐ, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ng: Anh Lê Anh K, sinh năm 1989; địa chỉ: Khu phố TH, phường TĐ, tỉnh Tây Ninh.

+ Cháu **Lê Trần Bảo Ng**, sinh năm 2014; địa chỉ: Số 61 đường 20 NVL, khu phố LT, phường LH, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của cháu **Ng**: Chị Trần Thị D, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 61 đường 20 NVL, khu phố LT, phường LH, tỉnh Tây Ninh.

Anh N, anh Khoa có mặt.

Chị D, cháu **Ng** vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Lâm Trọng N trình bày:

Vào ngày 17-9-2020, vợ chồng anh Lê Thái Duyên, Trần Thị D vay của anh N 800.000.000 đồng để làm vốn làm ăn, hẹn 05 tháng trả lại, không thỏa thuận lãi suất, không thế chấp tài sản. Khi mượn tiền, vợ chồng chị D có viết giấy nợ giao anh N giữ. Đến tháng 11-2024 anh Duyên chết, theo anh N được biết, ba anh Duyên chết, mẹ còn sống tên Đỗ Thị Ng; anh Duyên có vợ tên Trần Thị D và 01 người con tên **Lê Trần Bảo Ng.**

Anh N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị D trả ½ khoản nợ chung 400.000.000 đồng, còn ½ khoản nợ của anh Duyên yêu cầu bà Ng và cháu **Ng**, chị D là những người thừa kế quyền và N vụ của anh Duyên trả cho tôi 400.000.000 đồng, anh không yêu cầu tính lãi suất.

Anh Lê Anh K – đại diện cho bà Ng trình bày:

Anh Lê Thái Duyên, sinh năm 1977, chết năm 2025. Anh Duyên có mẹ tên Đỗ Thị Ng, sinh năm 1948 (còn sống), cha tên Lê Văn Em, sinh năm 1944 chết năm 2011, vợ tên Trần Thị D, sinh năm 1984 và con tên **Lê Trần Bảo Ng**, sinh năm 2014. Ngoài ra, anh Duyên không còn cha mẹ nuôi, con nuôi hay con riêng nào khác.

Bà Ng cũng có biết anh N vì anh N có qua trình bày khoản tiền nợ, giấy nợ anh Duyên và chị D ký tên. Bà Ng đồng ý trả tiền cho anh N theo quy định pháp luật trong phạm vi di sản anh Duyên để lại.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị D (người đại diện hợp pháp của cháu **Ng)** đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, được triệu tập hợp lệ để làm việc, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật nhưng không đến Tòa án để làm việc và cũng không có văn bản trình ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung,

thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và N vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Căn cứ Điều 463, 615 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị D có N vụ trả cho anh N 400.000.000 đồng; chị D, cháu **Ng** và bà Ng có N vụ trả cho anh N 400.000.000 đồng trong phạm vi di sản của anh Duyên. Đương sự chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Chị D và cháu **Ng** được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị D, cháu **Ng**.

[2] Nội dung tranh chấp:

[2.1] Nguyên đơn cung cấp 01 bản chính "Biên nhận" ngày 17-9-2020, anh Lê Thái Duyên và chị Trần Thị D vay của anh N 800.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn 05 tháng thanh toán số tiền trên cho anh N, không thỏa thuận lãi suất, không thế chấp tài sản, có chữ ký anh Duyên và chị D.

Quá trình giải quyết vụ án chị D, cháu **Ng** đã được thông báo nội dung vụ án, các văn bản tố tụng, triệu tập tham gia phiên tòa nhưng không đến Tòa án không có lời trình bày, không cung cấp chứng cứ nào khác để bảo vệ quyền lợi của mình.

Như vậy, qua chứng cứ nguyên đơn cung cấp xác định anh Duyên và chị D có vay 800.000.000 đồng nhưng không thanh toán theo thỏa thuận nên đã vi phạm N vụ và xâm phạm trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh N.

Ngày 17-11-2024 anh Duyên chết, hàng thừa kế thứ nhất của anh N gồm vợ chị Trần Thị D, sinh năm 1984; con tên **Lê Trần Bảo Ng**, sinh năm 2014 và mẹ là bà Đỗ Thị Ng, sinh năm 1948. Theo các tài liệu, chứng cứ không thể hiện anh N có cha, mẹ nuôi; con riêng hay con nuôi nào khác.

Căn cứ "Biên nhận" do nguyên đơn cung cấp, khoản vay trên phát sinh trong thời kỳ hôn nhân là nợ chung của anh Duyên và chị D nên chị D có N vụ trả ½ khoản vay; ½ còn lại hành thừa kế nhứ nhất của anh Duyên có N vụ trả cho anh N trong phạm vi di sản người chết để lại.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh N; buộc chị D có N vụ trả cho anh N 400.000.000 đồng; chị D, cháu **Ng** và bà Ng có N vụ trả cho anh N 400.000.000 đồng trong phạm vi di sản người chết để lại. Ghi nhận, anh N không yêu cầu tính lãi.

[3] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Tây Ninh tại phiên tòa phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Anh N không phải chịu án phí, hoàn trả tiền tạm ứng án phí anh N đã nộp.

Chị D chịu án phí trên số tiền 400.000.000 đồng.

Chị D, cháu **Ng**, bà Ng chịu án phí trên số tiền 400.000.000 đồng trong phạm vi di sản người chết để lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, 615 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Lâm Trọng N với chị Trần Thị D, cháu **Lê Trần Bảo Ng**, bà Đỗ Thị Ng về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thực hiện N vụ tài sản do người chết để lại"

1.1. Buộc chị Trần Thị D có N vụ trả cho anh Lâm Trọng N số tiền gốc 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị D không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả cho anh N số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

1.2 Buộc chị Trần Thị D, cháu **Lê Trần Bảo Ng**, bà Đỗ Thị Ng có N vụ trả cho anh Lâm Trọng N số tiền gốc 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng trong phạm vi di sản người chết để lại.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị D, cháu **Ng** và bà Ng không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả cho anh N số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự trong phạm vi di sản người chết để lại.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Trần Thị D phải chịu 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Trần Thị D, cháu **Lê Trần Bảo Ng**, bà Đỗ Thị Ng phải chịu 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm trong phạm vi di sản người chết để lại.

Hoàn trả anh Lâm Trọng N 18.000.000 (Mười tám triệu) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005986 ngày 25-3-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Tây Ninh;
-VKSND KV 10- TN;
- THADS tỉnh TN;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ;
-Lưu tập án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Linh Phi